

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn

Đợt 7: Đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả và cây trồng của các hộ gia đình, cá nhân, thuộc địa bàn phường Nhơn Phú

(Kèm theo Quyết định số: 2858/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND thành phố)

T T	Họ và tên, địa chỉ	Số liệu về đất đo đạc năm 2016, 2021					Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	
		Tờ BĐ	Thứ a số	Diện tích (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)							
11	Phạm Thành Lương, bà Huỳnh Thị Được						Giải tỏa 01 phần					1.248.189.893	
	Tổ 3, KV6, P. Nhơn Phú	2	38	309,7	206,5	103,2	*Bồi thường, hỗ trợ về đất:					982.929.800	
	Xác nhận của UBND phường Nhơn Phú tại Văn bản số 61/BC-UBND ngày 19/2/2022:						Bồi thường đất ở có nhà hình thành sau ngày 15/10/1993 đến trước ngày 01/7/2004, vị trí hẻm rộng từ 2-5m đường Hùng Vương	m ²	57,6		8.000.000	460.800.000	
	*Số nhân khẩu trong hộ khẩu 04; số cấp vợ chồng sống trong hộ khẩu: 01, số nhân khẩu thực tế cư trú: 04.						Trừ 100% tiền sử dụng đất theo quy định (Đoạn còn lại của hẻm 2-5m đường Hùng Vương, đơn giá: 20% x 9.300.000 đồng/m ² = 1.860.000 đồng/m ²)	m ²	57,6	1,2	-1.860.000	-128.563.200	
	*Thửa đất bị ảnh hưởng dự án:						Bồi thường đất vườn	m ²	148,9		370.000	55.093.000	
	- Bản đồ 299: Một phần thửa đất số 382, thuộc tờ bản đồ số 02, diện tích: 745m ² , loại đất lúa, sổ mục kê ghi tên chủ sử dụng: Phạm Văn Học (cá thể).						Hỗ trợ đất vườn (đơn giá 50% đất ở)	m ²	148,9	0,5	8.000.000	595.600.000	
	- Bản đồ năm 2001: Một phần thửa đất số 39, tờ bản đồ số 37, diện tích 940,8m ² , loại đất màu; hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Phạm Văn Học.						*Bồi thường, hỗ trợ về nhà:						234.857.421
	- Bản đồ năm 2001: Một phần thửa đất số 39, tờ bản đồ số 37, diện tích 940,8m ² , loại đất màu; hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Phạm Văn Học.						Nhà (N6) 1 tầng, mái tole, trần thạch cao, nền lát gạch ceramic, tường xây gạch sơn nước không bả matit, chiều cao trung bình mái h > 4m: 4,8*12,0	m ²	57,60		2.727.000	157.075.200	
	- Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2021: Thửa đất số: 38, tờ bản đồ số: 02, diện tích: 309,7m ² , loại đất: OĐT (Đất ở đô thị), hồ sơ kỹ thuật thửa đất ghi tên chủ sử dụng: Phạm Thành Lương.						Chênh lệch giá trị giữa trần thạch cao và trần nhựa: 194.000 đ/m ² - 150.000 đ/m ² = 44.000 đ/m ²	m ²	57,60		44.000	2.534.400	
	- Diện tích thu hồi: 206,5m ² /309,7m ² .						Điện trong nhà	m ²	57,60		167.000	9.619.200	
	- Nguồn gốc sử dụng đất: đất của gia đình ông Phạm Văn Học sử dụng vào mục đích nông nghiệp, sau đó cho lại ông Phạm Thành Lương (chủ hộ không cung cấp giấy tờ cho tặng), đến năm 2004 ông Phạm Thành Lương có đơn xin phép sửa chữa nhà ở được UBND phường Nhơn Phú ký xác nhận ngày 24/03/2004. Thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau năm 2001 trước ngày 01/07/2004.						Nước trong nhà	m ²	57,60		100.000	5.760.000	
	- Diện tích thu hồi: 206,5m ² đất của gia đình ông Phạm Văn Học sử dụng vào mục đích nông nghiệp, sau đó cho lại ông Phạm Thành Lương (chủ hộ không cung cấp giấy tờ cho tặng), đến năm 2004 ông Phạm Thành Lương có đơn xin phép sửa chữa nhà ở được UBND phường Nhơn Phú ký xác nhận ngày 24/03/2004. Thời điểm hình thành nhà ở và vật kiến trúc sau						Vệ sinh trong nhà (hệ số 0,15): 1,4*2,3	m ²	3,22	0,15	2.727.000	1.317.141	
							Ốp gạch men tường vệ sinh, cao 1,8m: (1,4+1,4+2,3+2,3)*1,8-(0,6*1,8)	m ²	12,24		278.000	3.402.720	
							Đan BTCT trên vệ sinh: 1,4*2,3*0,1	m ³	0,32		7.052.000	2.270.744	
							Hệ thống phân ngấm nhà vệ sinh (B6)	ht	1,00		7.584.000	7.584.000	
							Đá granít bép: 1,4*0,6	m ²	0,84		732.000	614.880	
							Ốp gạch men tường: 1,8*(2,2+1,7)+1,4*(11,8+11,8+3,3+3,3+3,3+3,2+3,2)	m ²	62,88		278.000	17.480.640	
							Ốp gạch men mặt tiền: 1,0*1,9*2 bên	m ²	3,80		278.000	1.056.400	
							Đá granít trang thờ: 0,7*0,6+1,0*0,6	m ²	1,02		732.000	746.640	

BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Dự án: Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn

Đợt 7: Đất đai, nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mả và cây trồng của các hộ gia đình, cá nhân, thuộc địa bàn phường Nhơn Phú

(Kèm theo Quyết định số: 2858/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND thành phố)

T T	Họ và tên, địa chỉ	Số liệu về đất đo đạc năm 2016, 2021					Nội dung bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
		Tờ BĐ	Thứ a số	Diện tích (m ²)	DT thu hồi (m ²)	DT còn lại (m ²)						
	năm 2001 trước ngày 01/07/2004, sử dụng đến nay, không tranh chấp. Hiện không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn phường Nhơn Phú.						Móng nhà xây đá chèn cao 1,6m (lộ thiên), dày 0,25m, theo chu vi nhà (K4): $0,25 \times 1,6 \times (4,8 + 4,8 + 12,0 + 12,0)$	m ³	13,44		1.114.000	14.972.160
							Nhà để xe (N18), mái tole, xi măng (hỗ trợ 80%): 3,6*5,2	m ²	18,72	0,8	696.000	10.423.296
							*Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc: hỗ trợ 80%					6.876.672
							Hiên tole (N19): 3,5*4,8	m ²	16,80	0,8	308.000	4.139.520
							Nền xi măng dưới hiên (S4): 3,5*4,8	m ²	16,80	0,8	162.000	2.177.280
							Sân xi măng (S4): 1,2*3,6	m ²	4,32	0,8	162.000	559.872
							*Bồi thường về cây trồng:					2.526.000
							Chuối có buồng	cây	8		63.000	504.000
							Chuối chưa có buồng	cây	5		26.000	130.000
							Cóc chưa quả	cây	2		84.000	168.000
							Xoài có quả đk 15cm	cây	2		473.000	946.000
							Đu đủ có quả	cây	2		100.000	200.000
							Sanh đk 20cm	cây	1		284.000	284.000
							Lộc vừng đk 10cm	cây	1		294.000	294.000
							*Các khoản hỗ trợ khác:					21.000.000
							Hỗ trợ tiền thuê nhà ở đối với hộ có nhà ở bị giải tỏa một phần nhà (Điều 33, QĐ 13): 2.500.000 đ/th x 4 tháng	hộ	1		10.000.000	10.000.000
							Bồi thường về di chuyển lùi tài sản đối với nhà N6 bị giải tỏa một phần (khoản 2 Điều 30 QĐ 04): 50% x 3.000.000 đồng	hộ	1		1.500.000	1.500.000
							Hỗ trợ tiền trong thời gian xây nhà ở đối với hộ có nhà ở bị giải tỏa một phần (khoản 8, Điều 40, QĐ 04): 1.500.000 đ/th x 3 tháng	hộ	1		4.500.000	4.500.000
							Thưởng để đẩy nhanh tiến độ GPMB đối với nhà N6 trong vòng 20 ngày	hộ	1		5.000.000	5.000.000